

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G-TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25/9/2020

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Đăng Đán và bà Trần Thị Lịch

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thế Cường, Thẩm tra viên Tòa án.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G:*** Bà Nguyễn Thị Duyên, Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2020, tại trụ sở Tòa án huyện G, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 61/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/9/2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1994; có mặt

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1990; Có mặt.

Cùng đăng ký HKTT tại: Thôn L, xã N, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:*

Chị và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn ngày 25/11/2011 tại UBND xã N, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn anh chị có được tìm hiểu nhau. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau ngay, tình cảm vợ chồng lúc ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Theo chị, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do anh T mãi chơi, ham cờ bạc nên chị phải trả nợ cờ bạc cho nhiều lần. Gia đình hai bên đã khuyên anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi mà vẫn ham chơi. Anh chị sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Hiện chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị xin ly hôn anh T.

Con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Phạm Văn Th, sinh ngày 11/11/2012 và Phạm Văn T1, sinh ngày 16/3/2014. Các cháu khỏe mạnh và sống với anh T từ khi ly thân đến nay. Ly hôn chị xin nuôi cả 02 con. Cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh T phải đóng góp. Anh T có quyền đi lại thăm con. Hiện chị mở xưởng cắt may tại nhà bố mẹ đẻ và bán quần áo ra các chợ đầu mối lớn nên có thu nhập hàng tháng khoảng 20-40 triệu đồng do vậy chị

xác định chi đủ điều kiện về kinh tế để nuôi cả 02 con.

Tài sản chung và nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Bị đơn là anh Phạm Văn T trình bày:* Anh chị kết hôn ngày 25/11/2011 như chị H trình bày là đúng. Theo anh, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Năm 2015 vợ chồng có mâu thuẫn, chị H đã gửi đơn ly hôn ở Tòa án nhưng anh và gia đình hai bên khuyên can nên chị H đã rút đơn về đoàn tụ. Đầu năm 2019, chị H về nhà ngoại sinh sống đến hiện nay mà không quay về chung sống với anh. Nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và xin đoàn tụ, tuy nhiên anh không đưa ra được phương án nào để vợ chồng đoàn tụ. Tòa án đã giao thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, lần 2 nhưng anh đều vắng mặt.

Con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Phạm Văn Th, sinh ngày 11/11/2012 và Phạm Văn T1, sinh ngày 16/3/2014. Các cháu khỏe mạnh và sống với anh từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Ly hôn anh xin nuôi cả 02 con. Cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu chị H phải đóng góp. Chị H có quyền đi lại thăm con. Hiện anh làm nghề in quần áo có thu nhập từ 10 đến 15 triệu đồng/tháng. Do vậy, anh cũng xác định có đủ điều kiện để nuôi cả 02 con.

Tài sản chung, nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa HĐXX đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng quy định pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; xét xử:

- Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Phạm Văn T.

- Con chung: Giao con chung là Phạm Văn Th, sinh ngày 11/11/2012 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung là Phạm Văn T1, sinh ngày 16/3/2014 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chung hai bên không phải đóng góp cho nhau. Anh T và chị H cùng có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Văn T cùng có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã N, huyện G, tỉnh Bắc Ninh nên vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án huyện G thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

**[2].** Quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Văn T kết hôn ngày 25/11/2011, được UBND xã N cho đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị H, vợ chồng mâu thuẫn vì anh T cờ bạc, ham chơi, nợ nần nên chị phải trả nợ thay anh T nhiều lần. Gia đình hai bên đã khuyên can anh T nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Hiện vợ chồng không thể đoàn tụ do tình cảm không còn nên chị xin ly hôn anh T. Anh T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên không đồng ý ly hôn. Tòa án đã lấy lời khai của ông Phạm Văn K là bố đẻ anh T và bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ của chị H xác định chị H, anh T mâu thuẫn về kinh tế. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Gia đình hai bên đã khuyên can nhưng anh chị H, T không thể đoàn tụ. Anh T xin đoàn tụ nhưng không có phương án đoàn tụ cụ thể nào. Tòa án đã giao thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhằm tạo điều kiện để chị H và anh T có thời gian suy nghĩ và có phương án đoàn tụ nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, xác định chị H và anh T có mâu thuẫn, đã sống ly thân nên tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp.

Con chung: Anh, chị có 02 con chung là Phạm Văn Th, sinh ngày 11/11/2012 và Phạm Văn T1, sinh ngày 16/3/2014. Quá trình giải quyết vụ án chị H và anh T cùng có nguyện vọng nuôi cả 02 con. Tòa án yêu cầu các bên đương sự cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh nơi ở ổn định và thu nhập hàng tháng. Chị H đã cung cấp tài liệu chứng minh thu nhập hàng tháng cho Tòa án, anh T không cung cấp tài liệu gì về thu nhập, chỉ có lời khai. Qua lời khai và các chứng cứ trong hồ sơ thấy khi ly thân chị H và anh T vẫn ở thôn L, xã N, huyện G. Chị H làm nghề cắt may và bán quần áo ra các chợ đầu mối, anh T làm nghề in quần áo nên chị H và anh T đều có thu nhập hàng tháng. Qua xác minh tại địa phương thấy mặt bằng thu nhập từ nghề cắt may và bán quần áo như chị H là 30 triệu đồng/ tháng, nghề in quần áo như anh T có thu nhập là 20 triệu đồng/tháng. Như vậy, xác định chị H và anh T cùng có nơi ở ổn định, có thu nhập hàng tháng ổn định, do đó chị H và anh T cùng có điều kiện nuôi con như nhau. Nên cần giao cho chị H và anh T mỗi người có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung. Do chị H và anh T mỗi người nuôi 01 con nên vấn đề cấp dưỡng không

đặt ra đối với hai bên. Chị H và anh T cùng có quyền đi lại thăm con theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[3]. Án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 144, 147, 235, 248, 249, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 19, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

**1.** Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị H. Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Phạm Văn T.

Con chung: Giao con chung là Phạm Văn Th, sinh ngày 11/11/2012 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung là Phạm Văn T1, sinh ngày 16/3/2014 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chung hai bên không phải đóng góp cho nhau. Anh T và chị H cùng có quyền đi lại thăm nom con chung.

Tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết.

**2.** Án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001829 ngày 05/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

**3.** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án, VKS tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và THADS huyện G;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Vũ Thị Minh Nguyệt**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



